

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 05-5-2025
“V/v tranh chấp Hợp đồng vay”
(giữa bà Hồng và bà Hà, ông Côn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường;

2. Bà Dương Thị Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2024/TLST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Tuyết H**, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 26, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long - là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền ngày 26/8/2024) có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hà Văn V; là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hà Văn V - Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: Số 51/11 đường P, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (xác nhận số: 05/2025/XN-TA, ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) có mặt;

- Bị đơn:

1/ Bà **Phan Thị Mai H**, sinh năm 1970; địa chỉ: 53E9 Phạm T, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1969; địa chỉ: 111/B4 Phạm T, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2024 nguyên đơn Nguyễn Tuyết H và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm do ông Nguyễn Thành P đại diện trình bày:*

Con trai của bà Nguyễn Tuyết H là Châu Hoàng N, là bạn học của con gái bà Phan Thị Mai H và ông Nguyễn Ngọc C, tên là Quế H, bà H, ông C biết bà H làm việc tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bạc Liêu, có nói với bà H về việc đặt cọc mua căn nhà số 53E9 Phạm T, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Trung tâm Vincom Vĩnh Long) để cho Quế H thuận tiện ở đi học, do kẹt tiền công trình nên nhờ bà H vay dùm tiền ngân hàng 1.700.000.000đ để trả trước 25% giá trị căn nhà nếu không thì bà H sẽ mất tiền đặt cọc trước đó.

Theo thỏa thuận miệng giữa hai bên “Hợp đồng vay không có thời hạn, tháng đầu tiên hoàn trả đủ vốn thì lãi suất 01%/tháng. Nếu không trả được thì tính lãi phạt theo quy định của ngân hàng là 1,5%/tháng. Khi tôi cần tiền, thì chị H, anh C phải hoàn trả vốn cho tôi”

Để thực hiện thỏa thuận, bà Hồng chuyển khoản năm lần từ tài khoản của Bà vào tài khoản của bà H số tiền 1.700.000.000đ. Trong thời hạn một tháng bà H, ông C trả đủ tiền lãi và vốn cho bà H để hoàn trả lại cho ngân hàng, nếu không trả được thì từ tháng thứ nhất trở đi phải trả lãi phạt 50% theo quy định của ngân hàng (tức là lãi suất được tính 1,5%/tháng) nhưng tháng đầu bà H, ông C không trả được tiền vốn nên tiền lãi được tính 1,5%/tháng.

Ngày 23/3/2024 bà H viết giấy xác nhận nợ bà H 1.700.000.000đ cam kết trả vào ngày 26/3/2024 là 500.000.000đ, ngày 06/4/2024 trả đủ tiền còn lại kèm lãi suất nhưng đến hạn bà H không thực hiện đúng cam kết. Ngày 15/5/2024 ông C đại diện cho bà H viết giấy cam kết trả tiền, hẹn ngày mai thanh toán số tiền 1.700.000.000đ nhưng vẫn không thực hiện. Đến ngày 01/6/2024 bà H viết giấy xác nhận có mượn của bà H 1.700.000.000đ, hẹn 30 ngày sẽ tất toán hết (tức đến ngày 01/7/2024) nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Như vậy đã

03 lần bà H ông C cam kết nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, làm bà H không thể trả nợ cho ngân hàng được.

Tiền lãi kể từ ngày 01/6/2022 đến ngày 26/6/2024 bà H đã trả được cho bà H 600.000.000đ tương ứng 24 tháng, còn thiếu 01 tháng là 25.000.000đ, tính đến ngày 28/8/2024 còn lại tiền vốn và hai tháng tiền lãi chưa trả, lãi suất tính 1,5%/tháng* 03 tháng là 75.000.000đ, cộng với tiền gốc 1.700.000.000đ, tổng cộng là 1.775.000.000đ, buộc bà H, ông C trả số tiền này và tiếp tục tính lãi suất 1,5%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn, ông P giữ yêu cầu về tiền gốc; tiền lãi tính từ ngày 26/4/2022 đến ngày xử sơ thẩm 05/5/2025 là 36 tháng + 09 ngày*1,5%/tháng với số tiền lãi 925.650.000đ; cần trừ lại tiền lãi bà H đóng 600.000.000đ nên bà H, ông C tiếp tục trả lãi 325.650.000đ cho bà H.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Chứng từ giao dịch ngày 18/4/2022 và ngày 26/4/2022 (bản sao, có đóng dấu mộc treo), giấy xác nhận nợ ngày 23/3/2024 (bản viết tay, người xác nhận Phan Thị Mai H), bản cam kết trả tiền ngày 15/5/2024 (bản chính, giấy tập học sinh, viết tay người đại diện là Nguyễn Ngọc C), xác nhận ngày 01/6/2024 (bản viết tay, người xác nhận Phan Thị Mai H); các thủ tục tố tụng cần thiết khác để đảm bảo giải quyết vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bà H, ông C vắng mặt:* Để giải quyết Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, các bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong vụ án và cũng không tiến hành hòa giải được với phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai.

** Ý kiến của luật sư Hà Văn V bảo vệ cho nguyên đơn:*

Các bị đơn có nhận tiền vay gốc từ các chứng từ chuyển khoản số tiền 1.700.000.000đ, quá trình vay đóng lãi được 600.000.000đ, đến tháng 6/2024 bà H không đóng lãi nữa, trước đó các bị đơn cam kết, xác nhận hứa trả nhiều lần nhưng vẫn không trả. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền gốc và lãi trong suốt quá trình vay, trừ tiền lãi đã đóng 600.000.000đ, các bị đơn còn tiếp tục trả lãi 325.650.000đ. Mục đích vay tiền của các nguyên đơn để mua nhà, tài sản của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân nên họ cùng có trách nhiệm, nghĩa vụ

trả nợ. Căn cứ các điều 351, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ 2.025.650.000đ.

** Ý kiến của Vị kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV- QH 14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.025.650.000đ.

Án phí: Bị đơn nộp 72.513.000đ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu trả tiền gốc và lãi 2.025.650.000đ, các bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khi xác lập giao dịch vay tiền các bị đơn thường trú địa chỉ 53E9 và 111/4 Phạm T, Phường T, thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227; **khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tuyết H.

[2.1] Về tiền gốc: Bà H yêu cầu bà H, ông C trả 1.700.000.000đ, chứng cứ xác định yêu cầu là các chứng từ giao dịch do bà H chuyển khoản ngày 18/4/2022 và ngày 26/4/2022, sau đó bà H xác nhận lại nợ hai lần, ông C cam kết một lần nhưng các bị đơn đều không thực hiện đúng thời gian đã xác nhận và cam kết. Khi thực hiện thủ tục kiện nguyên đơn gửi hồ sơ kiện cho các bị đơn, để giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho các bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện, các thủ tục tố tụng được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn vắng mặt nhưng thời điểm bà H viết các tờ xác nhận đã rõ nơi cư trú - theo địa chỉ xác lập giao dịch vay tiền; theo xác nhận của Công an địa phương, đến ngày 14/3/2025 và ngày 17/4/2025 ông C đăng ký thường trú tại 111/4 nhưng không thường xuyên sinh sống ở đây, trong thời gian xác lập nợ ông C có bản cam kết ngày 15/5/2024 điều đó cho thấy Ông biết rõ về số tiền nợ bà H vay, mục đích vay tiền để mua tài sản (mua nhà) trong thời kỳ hôn nhân của vợ, chồng nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ chung. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ là các chứng từ giao dịch, các xác nhận và giấy cam kết bà H đưa ra các bị đơn không có ý kiến phản đối, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết các bị đơn nợ bà H là sự thật. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp nên bà H yêu cầu trả tiền gốc 1.700.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng và thời gian nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy bà H chuyển khoản cho bà H nhận tiền, các giấy xác nhận và giấy cam kết không thể hiện mức lãi suất, thời hạn vay 01 tháng nhưng sau đó không trả tiền gốc, các bị đơn đóng tiền lãi trong thời gian vay 600.000.000đ, do đó được xác định đây là khoản vay có lãi. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, áp dụng khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 về lãi, lãi suất, bà H yêu cầu tính mức lãi 1,5%/tháng trên khoản tiền gốc đến ngày xét xử sơ thẩm 05/5/2025, mức lãi và thời gian yêu cầu tính lãi là phù hợp nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận, tiền lãi được tính như sau: số tiền 1.700.000.000đ*36tháng+09ngày*1,5%/tháng = 925.650.000đ; trừ tiền lãi đã nhận 600.000.000đ, các bị đơn còn tiếp tục trả cho nguyên đơn tiền lãi 325.650.000đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả 2.025.650.000đ được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí

và lệ phí Tòa án, các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (với mức thu 72.000.000đ + 02% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 2.000.000.000đ) là 72.513.000đ; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của Luật sư V tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Vị kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 351, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 2, 5, 6, 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tuyết H;

Buộc bà Phan Thị Mai H và ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả cho bà Hồng số tiền 2.025.650.000đ (trong đó: tiền gốc 1.700.000.000đ, tiền lãi 325.650.000đ)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc Phan Thị Mai H và ông Nguyễn Ngọc C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 72.513.000đ (bảy mươi hai triệu, năm trăm mười ba ngàn đồng)

2.2/ Bà Nguyễn Tuyết H được nhận lại tạm ứng án phí sơ thẩm 32.625.000đ (ba mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0007194 ngày 13/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự 03;
- THADS TPVL 02;
- VKSND TPVL 01;
- TAND tỉnh VL 01;
- Lưu Hồ sơ vụ án 04.

Nguyễn Thị Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

